

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 24../HĐXD/2020.....

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 08 năm 2020

HỢP ĐỒNG

(V/v: Giao nhận thầu xây lắp)

Công trình : TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ UYÊN HƯNG

Hạng mục : PHẦN THÂN – KHUNG BÊ TÔNG CỐT THÉP.

Địa điểm : PHƯỜNG UYÊN HƯNG, THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Hôm nay, ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại Công Ty Cổ phần Xây dựng – Tư vấn – Đầu tư Bình Dương, chúng tôi gồm có:

CÔNG TY CP XÂY DỰNG – TƯ VẤN – ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG (BICONSI)

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : Số 2, Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, TP TDM, Bình Dương

Đại diện : Bà **ĐẶNG THỊ TUYẾT TRINH** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại : 0274. 3822098 - 3831073 Fax: 0274. 3822936

Tài khoản : 6501.0000000017 Tại CN Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế : 3 7 0 0 1 4 5 5 9 9

CÔNG TY TNHH TM DV XD ĐỨC LONG HẢI

(Sau đây gọi tắt là Bên B hoặc Nhà thầu)

Địa chỉ : số 12 đường 15, Kp7, P. Hiệp Thành, TDM, BD

Đại diện : Ông **VI ĐỨC HẢI** - Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại : 0933.66.28.55

Tài khoản : 65310000435586 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế : 3702699112

Hai Bên cùng thoả thuận thống nhất ký kết Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1.1. Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thi công hạng mục “Xây dựng PHẦN THÂN – KHUNG BÊ TÔNG CỐT THÉP” công trình TTTM DV UYÊN HƯNG.
Nội dung công việc được nêu trong Bảng dự toán khối lượng được bên B lập căn cứ theo các tài liệu được nêu tại khoản 1.2.

Thi công hạng mục “Xây dựng PHẦN THÂN – KHUNG BÊ TÔNG CỐT THÉP.” công trình TTTM DV UYÊN HƯNG theo đúng hồ sơ thiết kế và các chỉ dẫn được nêu dưới đây:

- + Tuân thủ các hồ sơ thiết kế nêu trong khoản 1.2, đối với các công việc mà nhà thầu đề xuất khác với hồ sơ thiết kế này phải có sự chấp thuận của Bên A trước khi triển khai thi công.
- + Phối hợp với bên A thiết lập các qui trình, hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chất lượng, tiến độ của công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho Bên A đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá khối lượng, tiến độ thực tế của công việc một cách độc lập;
- + Thi công các hạng mục tạm liên quan trực tiếp tới công việc của bên B bao gồm: kho bãi chứa vật tư thiết bị (nếu có), đường nhánh dây điện, nhánh ống nước,... phục vụ thi công và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện công việc cho đến khi kết thúc.

1.2. Tài liệu hợp đồng

Các tài liệu được xếp theo thứ tự ưu tiên giảm dần sau đây được coi là một phần của Hợp Đồng này:

- 1.2.1 Văn kiện thỏa thuận hợp đồng; Các phụ lục hợp đồng;
- 1.2.2 Các hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt;
- 1.2.3 Bảng thuyết minh kỹ thuật thi công và quy cách vật tư thể hiện trong các bản vẽ nêu tại khoản 1.2.2;
- 1.2.4 Bảng Dự toán khối lượng;
- 1.2.5 Tiến độ thi công tổng;
- 1.2.6 Biện pháp thi công;
- 1.2.7 Qui trình quản lý chất lượng;
- 1.2.8 Biện pháp an toàn lao động.

1.3. Định nghĩa tên gọi (giải thích từ ngữ) và viết tắt:

- “Công trình” là Công trình “TTTM DV UYÊN HƯNG”.
- “Hạng mục” là hạng mục “PHẦN THÂN – KHUNG BÊ TÔNG CỐT THÉP.”
- “Tư vấn Quản lý dự án và Giám Sát”: là đơn vị được Bên A chỉ định để thay mặt cho Bên A – là Công ty TNHH Apave Châu Á Thái Bình Dương Chi nhánh tại Bình Dương
- “Bên A” là Công ty Cổ phần Xây Dựng – Tư vấn – Đầu tư Bình Dương (BICONSI).
“Bên B hoặc Nhà thầu” là CÔNG TY TNHH TM DV XD ĐỨC LONG HẢI.

- “**Bản vẽ**” là bản vẽ công trình được đưa vào Hợp đồng và bất kỳ bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi nào được phát hành bởi bên A phù hợp với Hợp đồng.
- “**Ngày**” là ngày dương lịch bao gồm ngày thứ 7 và Chủ nhật nhưng không bao gồm ngày nghỉ Lễ, Tết.
- “**Hợp đồng**” là giao kèo giữa Bên A và bên B để thực hiện gói thầu.
- “**Ngôn ngữ**”: Trừ khi có các văn bản, thoả thuận khác được Bên A chấp thuận, ngôn ngữ trong các văn bản liên quan tới hồ sơ báo giá, Hợp đồng và các tài liệu có liên quan là tiếng Việt.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1 *Giá trị Hợp Đồng là tạm tính*, được làm tròn là : **9.771.777.517 VNĐ**,

(Bằng chữ: Chín tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm mười bảy đồng đồng).

Giá trị đã bao gồm 10% thuế G.T.G.T (V.A.T), chi tiết theo bảng Dự toán khối lượng đính kèm.

2.2 *Giá trị Hợp Đồng là số tiền tạm tính của Bên A đối với Bên B để thực hiện toàn bộ khối lượng công việc được giao thầu căn cứ theo các tài liệu được nêu tại khoản 1.2 của Điều 1.* Toàn bộ hạng mục do bên B cung cấp và thi công phải được bên A nghiệm thu.

2.3 *Giá trị Hợp đồng bao gồm chi phí vật tư phụ (vít, que hàn, đinh,...) nhân công, ca máy, các sửa chữa, chi phí dọn dẹp vệ sinh, thiết bị thi công cầm tay (máy hàn, máy cắt ván ép, máy đầm dùi,...) biện pháp thi công, biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường trong phạm vi công việc thi công, trang thiết bị an toàn lao động, liên quan đến toàn bộ công việc do bên B cung cấp và thi công, các loại thuế, chi phí vận chuyển chuyên chở của bên B nếu có, bảo hiểm, bố trí mặt bằng, giám sát thi công của bên B, lợi tức, chi phí quản lý và cấu thành sản phẩm và tất cả các chi phí cần thiết khác cho việc thực hiện Hợp đồng theo các tài liệu nêu tại khoản 1.2 Điều 1.* Toàn bộ **đơn giá Hợp Đồng theo phụ lục Hợp Đồng** là cố định trong suốt quá trình thi công sau khi các bên đã thống nhất đơn giá chi tiết Hợp Đồng trong phụ lục Hợp Đồng.

2.4 Khối lượng phát sinh tăng, giảm chỉ được tính nếu trong quá trình thi công bên A có yêu cầu làm thêm các hạng mục mới so với các hồ sơ thiết kế nêu tại khoản 1.2 Điều 1 làm tăng khối lượng (thay đổi diện tích sàn). Khi khối lượng tăng, giảm do thay đổi thiết kế, do bên A cung cấp một số vật tư hay do bên A giao cho nhà thầu khác thực hiện một số hạng mục thì giá trị hợp đồng cũng sẽ được tăng hoặc cắt giảm giá trị tương ứng. Sự thay đổi thiết kế này cùng với giá trị thay đổi đó phải được bên A phê duyệt.

2.5 Trị giá các hạng mục được bên A yêu cầu làm thêm hay cắt giảm sẽ căn cứ vào khối lượng thực hiện (tăng hoặc giảm) nhân với đơn giá hợp đồng. Nếu khối lượng của hạng mục phát sinh không có đơn giá trong Hợp đồng thì bên A và bên B sẽ thoả thuận giá trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

2.6 Giá trị quyết toán hợp đồng sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế thi công được xác nhận của Tư vấn giám sát và Chỉ huy trưởng công trình bên A.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ THI CÔNG TRỄ HẠN HỢP ĐỒNG

3.1 **Thời gian thi công:**

026997
CÔNG T
H THƯƠN
VỤ XÂY
C LONG I
MỘT-T.B

Thời hạn hoàn thành hạng mục công trình là từ ngày bắt đầu thực hiện công việc đến ngày bàn giao là 60 ngày

Thời gian thi công: Từ ngày / / 2020 đến ngày / / 2020.

Trong đó bao gồm cả ngày thứ bảy, chủ nhật, không bao gồm ngày nghỉ Lễ, Tết.

- Nếu trong quá trình thi công, nhà thầu tự ý ngưng thi công trong vòng 03 ngày mà không có sự đồng ý của bên A thì bên A có quyền đình chỉ thi công và trong vòng 07 ngày tiếp theo nhà thầu phải bàn giao lại toàn bộ công trình dở dang cho bên A. Bên A chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho bên B phần chi phí do bên B đã thực hiện và được nghiệm thu khi công trình đã hoàn tất (và sau khi bên A thu lại các khoản thiệt hại do bên B tự ý ngưng thi công).
- Bên B phải chấp nhận tạm thời đình hoãn công tác thi công và không được đòi bồi hoàn thiệt hại hay kéo dài tiến độ theo yêu cầu của bên A trong một số trường hợp sau:

- Vì lý do an toàn và an ninh.
- Vì nguyên do thời tiết, khí hậu.
- Vì lý do an toàn kỹ thuật.
- Do công trường quá dơ bẩn mà nhà thầu không khắc phục sau 02 lần nhắc nhở của bên A.

Trong trường hợp bên B ngưng thi công do bên A không cấp vật tư, cốp pha hoặc do thay đổi thiết kế kéo dài quá 07 ngày thì bên B được thanh toán 100% khối lượng làm được và được đền bù thiệt hại nếu có.

- Bên B phối hợp với Ban chỉ huy công trường của bên A lập bảng tiến độ, kế hoạch thi công chi tiết (bao gồm các phương pháp chung, thứ tự và thời gian, vật tư, nhân lực cho tất cả các công tác xây dựng công trình) căn cứ theo tiến độ thi công tổng của bên A, nộp cho bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên A yêu cầu.
- Tiến độ, kế hoạch thi công được cập nhật phải là lịch chỉ ra tiến độ thực tế đạt được cho mỗi công tác và ảnh hưởng của tiến độ đạt được đối với tiến độ của các công việc còn lại, kể cả các thay đổi về trình tự công tác.

3.2. Bồi thường thiệt hại cho Bên A: Do trễ hạn Hợp Đồng, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A:

3.2.1. Chậm tiến độ từng phần việc:

Bồi thường 5.000.000đ/ngày chậm trễ (Năm triệu đồng/ngày chậm trễ), tăng thêm bồi thường nếu như trễ đến ngày thứ 10 sẽ bị phạt gấp đôi, trừ ngay vào đợt thanh toán gần nhất. Số tiền này chỉ được hoàn lại khi quyết toán công trình nếu Nhà Thầu bàn giao toàn bộ công trình đúng tiến độ.

3.2.2. Chậm bàn giao toàn bộ hạng mục công trình (không do trường hợp bất khả kháng):

Ngoài số tiền phạt nêu tại điều 3.2.1, Bên B sẽ bị phạt một số tiền bằng **0,1%** (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị khối lượng đã thực hiện, tổng giá trị phạt không quá **12% (Mười hai phần trăm)** trên tổng giá trị khối lượng đã thực hiện và chịu chi phí giám sát.

3.2.3. Trong trường hợp công trình chậm bàn giao do lỗi của bên B, bên B không được quyền khiếu nại bất cứ việc gì do các hậu quả của việc thi công trễ hạn Hợp Đồng được đề cập ở điều 3.2.2.

3.2.4. Bên B vi phạm chất lượng do chất lượng thi công không bảo đảm yêu cầu quy định thì chịu phạt 12% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 4: CHẤT LƯỢNG – KỸ THUẬT

- 4.1. Toàn bộ hạng mục do bên B cung cấp và thi công phải đảm bảo tuân thủ theo đúng các hồ sơ thiết kế, các tài liệu hợp đồng và phải được Bên A nghiệm thu. Trong trường hợp Bên A yêu cầu phải thay thế và sửa chữa các công việc được cho là không đạt yêu cầu (do thi công không phù hợp, không đạt yêu cầu hoặc do tay nghề yếu kém) thì Bên B phải có trách nhiệm thực hiện việc thay thế mới và sửa chữa trong một khoảng thời gian được cho là hợp lý do bên A đề xuất, đồng thời Bên B chịu mọi phí tổn liên quan. Việc thay thế và sửa chữa này phải đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ thi công.
- 4.2. Bên A kiểm soát tất cả các vấn đề thuộc chất lượng thi công, kỹ thuật thi công xây lắp, tiến độ và khối lượng của nhà thầu, các vấn đề an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường trên công trường. Bên B phải cung cấp đầy đủ phương tiện, dụng cụ kiểm tra và mọi tài liệu cần thiết phục vụ yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm của bên A.
- 4.3. Các hạng mục công trình phải được thực hiện đúng trình tự kỹ thuật và đạt chất lượng theo yêu cầu, đặc biệt là kỹ thuật thao tác các công tác bê tông.

ĐIỀU 5: CÔNG TÁC NGHIỆM THU

Đây là công trình có yêu cầu cao về kỹ thuật và mỹ thuật, Bên B phải bảo đảm thực hiện được yêu cầu này qua kết quả của công tác nghiệm thu.

- 5.1. **Công tác nghiệm thu kỹ thuật và mỹ thuật:** Căn cứ theo các hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà Nước ban hành tính đến thời điểm thi công, Bên B phối hợp Ban chỉ huy công trường của bên A thiết lập đầy đủ các chứng từ, hồ sơ, bản vẽ số liệu, để chứng minh chất lượng của công tác nghiệm thu.
- 5.2. **Công tác nghiệm thu khối lượng:** Theo các hồ sơ thiết kế nêu tại khoản 1.2 Điều 1, Bảng Dự toán hợp đồng, trong trường hợp có khối lượng phát sinh do có sự thay đổi so với bản vẽ nêu trên thì phải được Bên A xác nhận và giá được áp dụng theo đơn giá hợp đồng, nếu công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì sẽ được hai bên thỏa thuận.
- 5.3. **Tổ chức nghiệm thu:** Theo đúng Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng cùng các văn bản liên quan.
- 5.4. Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng; giai đoạn thi công xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Các công tác trước khi chuyển sang công đoạn kế tiếp phải được nghiệm thu mới được tiến hành công tác tiếp theo. Đối với các phần khuất lấp của công trình phải có biên bản nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công của phần công trình đã hoàn thành trước khi tiến hành các công việc tiếp theo. Nếu bên B không tuân thủ các quy định nêu trên, mọi tổn thất do phục hồi công trình ở hiện trạng cũ do bên B chịu.
- 5.5. Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và đủ hồ sơ theo qui định, hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu sau khi tất cả các sai sót của hạng mục công trình đều đã được sửa chữa khắc phục.



5.6. Thời gian tổ chức nghiệm thu bàn giao không quá 07 ngày kể từ khi có đủ điều kiện theo Điều này và Bên A nhận được giấy mời của Bên B.

5.7. Bên B phải hoàn thành hồ sơ quyết toán trong thời gian 07 ngày kể từ ngày có biên bản nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình.

5.8. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và chuẩn xác của bộ hồ sơ hoàn công.

ĐIỀU 6 : PHƯƠNG THỨC TẠM ỨNG VÀ THANH QUYẾT TOÁN

6.1. **Phương thức thanh toán:** Thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam chuyển khoản thông qua ngân hàng.

6.2. **Cơ sở thanh toán tạm định kỳ nửa tháng:**

Khối lượng thực tế hoàn thành được Bên A nghiệm thu và đơn giá Hợp đồng (có sự xác nhận của Chỉ huy trưởng công trường, Tư vấn giám sát APAVE và Ban quản lý dự án của bên A).

6.3. **Điều kiện thanh toán:**

6.3.1 **Phương thức thanh toán cho Bên B:**

Số lần thanh toán khối lượng: thanh toán nhiều lần theo đề nghị của bên B, trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được với Ban chỉ huy công trường của bên A nghiệm thu và đơn giá Hợp đồng (hoặc đơn giá được duyệt cho phần khối lượng phát sinh).

- Giá trị thanh toán từng đợt: Bên A thanh toán tạm cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng thực tế hoàn thành được Chỉ Huy Trưởng, TVGS, Ban QLDA công trường ký xác nhận. Thanh toán trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán tạm.
- Quyết toán: Sau khi nghiệm thu bàn giao, và khối lượng được bên A nghiệm thu, xác nhận đồng thời bên B cung cấp cho bên A đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ, bên A sẽ thanh toán cho Bên B đạt đến mức 95% giá trị quyết toán hạng mục công trình. Thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận đầy đủ hồ sơ (trừ tiền phạt và bồi thường nếu có).
- Hết thời gian bảo hành 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, bên A sẽ thanh toán hết cho bên B 5% còn lại của giá trị quyết toán hợp đồng.

6.3.2 **Hồ sơ thanh toán :** lập thành 03 bộ (01 bộ gốc, 02 bộ photo) bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán.
- Bảng khối lượng và giá trị hoàn thành được BCH công trình, TVGS và bên A ký xác nhận.
- Khối lượng và giá trị hạng mục công việc phát sinh được chứng nhận trong mỗi tháng (nếu có)
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng hợp lệ của đợt đề nghị tạm ứng, thanh toán (nếu có).

ĐIỀU 7: BẢO HÀNH XÂY LẬP HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

7.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành hạng mục công trình trong vòng 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hạng mục công trình.

7.2. Mọi khuyết tật có thể xuất hiện trong thời gian bảo hành, sau khi nghiệm thu bàn giao công trình, theo quan điểm của Bên A, là do tay nghề, là do thi công không phù hợp với bản vẽ và điều kiện kỹ thuật, hoặc nếu xảy ra trong thời gian nói trên sẽ phải được sửa chữa hoàn chỉnh bởi chi phí của Bên B trừ khi Bên A có quyết định khác. Nếu

Bên B không sửa chữa, Bên A sẽ tự sửa chữa, mọi chi phí và thiệt hại sẽ được Bên A khấu trừ vào số tiền bảo hành còn giữ lại.

Các công việc sửa chữa trong thời gian bảo hành sẽ được Bên B thực hiện sau 02 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu của Bên A.

7.3. Chúng tôi chấm dứt bảo hành: Bên B được xem là đã hoàn thành công việc bảo hành, khi Chúng Tôi chấm dứt Bảo Hành được Bên A ký và phát hành vào thời điểm kết thúc thời hạn bảo hành (**12 tháng** kể từ ngày hạng mục công việc bên B nhận được ký biên bản nghiệm thu), trong đó có ghi ngày Bên B hoàn thành trách nhiệm của mình, kể cả trách nhiệm sửa chữa tất cả những sai sót, hư hỏng trong thời gian bảo hành. Trong thời gian bảo hành, nếu Bên B kéo dài sự sửa chữa, sửa chữa không đạt yêu cầu, khắc phục chậm trễ, thì Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng khác xảy ra trong khoảng thời gian chậm trễ này cho đến khi sửa chữa xong và được Bên A xác nhận.

7.4. Trong thời gian bảo hành nhà ở theo quy định của luật nhà ở (5 năm) của bên A đối với bên thứ 3. Nếu có chứng cứ cho thấy các hư hỏng phát sinh có nguyên nhân từ việc thi công của bên B thì bên B phải liên đới chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 8: CÔNG TÁC BẢO HIỂM

8.1. Trong thời gian 03 ngày sau khi ký hợp đồng, Bên B xây lắp phải xuất trình hợp đồng bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động của Bên B tại công trình theo quy định pháp luật hiện hành.

Thời hạn bảo hiểm: tính từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao hạng mục công việc.

Trường hợp Bên B không mua các loại bảo hiểm trong thời gian quy định như trên, Bên B sẽ không được nhận tiền tạm ứng. Bên A sẽ tự mua bảo hiểm và khấu trừ chi phí vào trị giá hợp đồng.

8.2. Chịu trách nhiệm phục hồi hiện trạng mà Bên B làm hư hại trong quá trình sử dụng cho việc thi công. Toàn bộ hoạt động thi công và hoàn thành hạng mục công trình phải được thực hiện sao cho không gây trở ngại, hư hỏng, tổn thất cho các công trình lân cận và các nhà thầu khác và uy tín của bên A. Mọi sự cố gây ra, Bên B phải tự xử lý không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, và không có bất kỳ sự tham gia nào của Bên A, và bên A sẽ không chịu bất kì chi phí nào.

ĐIỀU 9: BÀN VẼ THI CÔNG VÀ CÁC CÔNG TÁC KHÁC CÓ LIÊN QUAN

9.1. Những bất hợp lý trong thiết kế kỹ thuật có thể tổn hại đến công trình hoặc gây thiệt hại cho bên A, bên B với trách nhiệm của mình phải báo cáo cho bên A để kịp thời xử lý.

9.2. Bên B phải tự tiên liệu và tính gộp trong dự toán tất cả các công việc cần thiết của các công tác thuộc các hạng mục do chính bên B thi công.

9.3. Đối với các vật tư, thiết bị do bên A cấp (nếu có), bên B phải tiếp nhận, tổ chức bảo quản và sử dụng theo định mức thỏa thuận các loại vật tư do bên A cung cấp. Nếu có bất cứ tổn thất nào xảy ra, bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường do hư hại xảy ra; bên B phải bàn giao toàn bộ vật tư không thi công hết cho bên A.

9.4. Bên B phải hợp tác với các bên nhà thầu khác (nếu có) để phối hợp thi công, tạo điều kiện cho các bên nhà thầu khác cùng hoàn thành công việc được nhanh chóng.



ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

10.1. Trách nhiệm Bên A:

1. Bên A bàn giao mặt bằng theo hiện trạng, đúng hạn cho Bên B để đảm bảo tiến độ thi công công trình.
2. Bên A giao cho Bên B toàn bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật cùng các giấy tờ thủ tục, pháp lý có liên quan đến việc xây dựng công trình.
3. Cử 01 tổ trực đặc đảm bảo đáp ứng tìm trục, cao độ và búng mực đường bao của móng, cột, tường...
4. Bên A cử cán bộ tư vấn kiểm tra giám sát thi công, thường xuyên có mặt tại hiện trường khi Bên B có hoạt động thi công tại công trường để giám sát chất lượng công trình, xác nhận khối lượng công tác thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có.
5. Thanh toán cho Bên B đúng theo điều 6 Hợp đồng;
6. Bên A cử đại diện tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn thực hiện các hạng mục công trình và tổng nghiệm thu công trình.
7. Bên A tổ chức thực hiện việc quyết toán hạng mục công trình sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ. Việc quyết toán này sẽ được bên A xác nhận trong vòng 07 ngày.
8. Hỗ trợ bên B các thiết bị thi công như: cầu tháp, cốp pha, giàn giáo trong điều kiện sử dụng tốt.
9. Cung cấp cho bên B lưới bao che, thợ lái cầu và phụ cầu (ca 1 và ca 2 theo yêu cầu của tiến độ).
10. Cung cấp vật tư cho bên B (đối với trường hợp Bên A cấp vật tư) căn cứ vào phiếu nhu cầu vật tư của bên B có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trình bên A. Phiếu nhu cầu này phải được gửi về Ban chỉ huy công trình của bên A 03 ngày trước ngày đề nghị cấp vật tư đó.
11. Cung cấp cầu tháp, ốc xiết cáp, đường dây điện trục chính (01 sản cấp một hộp điện). Đường ống nước phục vụ trục chính. Cung cấp điện, nước sử dụng.
12. Chịu chi phí thử nghiệm đối với các loại vật tư do bên A cấp.
13. Chịu chi phí vận chuyển rác, xà bần ra khỏi công trường, tổng vệ sinh bàn giao công trình (với điều kiện trong khi thi công đến đâu, bên B phải dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ đến đó).
14. Cung cấp văn phòng, kho tạm cho bên B hoặc cấp vật tư bên B tự cất. Trang bị toilet công trường, đường điện, đường nước chính, chiếu sáng xung quanh công trường. Đảm bảo đường xá cho các loại xe cung cấp cốp pha & vật tư lưu thông trong công trình.
15. Cung cấp bảo vệ công trường.

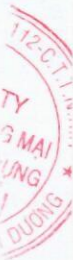
10.2. Trách nhiệm của Bên B:

1. Trước khi triển khai thi công bên B phải có trách nhiệm trình cho bên A những hồ sơ như sau:
 - _ Bảng tiến độ thi công chi tiết dựa theo bảng tổng tiến độ thi công của Ban chỉ huy công trình.
 - _ Sơ đồ bố trí nhân sự và công nhân trên công trình.
 - _ Biện pháp thi công chi tiết cho từng công tác.

Bản vẽ shopdrawing cốt thép, ván khuôn.

Biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường.

2. Thực hiện các công việc nêu ở Điều 1 theo đúng các tài liệu hợp đồng, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật và các bản vẽ, phù hợp với tiêu chuẩn quy phạm hiện hành. Tổ chức thi công hạng mục công trình đảm bảo chất lượng, kỹ thuật và đúng tiến độ. Bên B phải chịu sự giám sát thi công của Bên A.
3. Chính thức thông báo nhân sự có thẩm quyền, đủ năng lực thực hiện hạng mục công trình theo qui định - người được uỷ nhiệm thay mặt cho Bên B để giải quyết các vấn đề thi công tại công trình và nhận các chỉ dẫn, chỉ thị của bên A – Đại diện là Chỉ Huy Trưởng Công Trình.
4. Bên B có trách nhiệm lập khối lượng thực hiện gửi về Ban Chỉ Huy Công Trường để ký xác nhận thanh toán cho bên B.
5. Công việc của Bên B liên quan và phụ thuộc chặt chẽ vào các hoạt động của Bên A. Bên B phải phối hợp với Bên A và tuân thủ điều phối tiến độ tổng thể Công Trình và các tiến độ, kế hoạch công việc chi tiết của Bên A. Để đạt tiến độ Công Trình, Bên B cần phải bố trí thời gian, nhân lực thực hiện Công việc ngoài giờ làm việc thông thường theo chỉ thị của Bên A mà không được tính thêm bất kỳ chi phí nào.
6. Bên B sẽ thực hiện hoàn tất hợp đồng, tuân theo tất cả các bản vẽ kỹ thuật, các yêu cầu hướng dẫn của Bên A và hợp lý hoá từng bước công việc nhằm giảm đi bất cứ nguyên nhân gây trì hoãn tiến độ thi công của hạng mục.
7. Bên B phải hiểu tiến độ mà Bên A đề ra cũng như bản chất công việc và điều kiện của công trường.
8. Bên B phải tuân theo tiến độ chung của Bên A yêu cầu và bất kỳ kiến nghị sửa đổi nào đều phải được thông báo cho Bên A.
9. Phối hợp với Ban chỉ huy công trường của bên A lập biện pháp thi công, qui trình quản lý chất lượng, biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường, phương án PCCC cho Bên A trong vòng 03(ba) ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
10. Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, chịu trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn vệ sinh hệ thống cống rãnh, đường giao thông, điện, nước thuộc phạm vi công trường (nếu do Bên B gây ra), giữ vệ sinh trong suốt quá trình thi công. Trường hợp Bên B vi phạm, sau 24 giờ kể từ khi bên A nhắc nhở hay lập biên bản mà bên B không chịu nộp phạt hay không khắc phục hậu quả, Bên A sẽ tự tổ chức khắc phục hậu quả (nếu cần) và sẽ đơn phương khấu trừ mọi chi phí phạt, khắc phục hậu quả trên vào trị giá thanh toán của Hợp Đồng. Khi đó Bên B không được quyền khiếu nại.
11. Nếu cán bộ công nhân viên của Bên B vi phạm nội quy công trường thì Bên B sẽ bị phạt theo phụ lục 1 kèm theo hợp đồng này và các qui định khác theo quy định công trình được Chủ đầu tư phê duyệt.
12. Phối hợp với Ban chỉ huy công trường của bên A lập sổ nhật ký công trường, nhật ký an toàn theo mẫu thỏa thuận với tư vấn giám sát, ghi chép đầy đủ các diễn biến xảy ra trong quá trình thi công và phải được ký xác nhận của giám sát Bên A hàng ngày.
13. Trong trường hợp xảy ra sự cố gây thiệt hại cho người thứ 3, hay các kiến trúc, công trình xung quanh, bên B phải có trách nhiệm tích cực nhanh chóng giải quyết để khắc phục hậu quả triệt để, không để phiền hà đến Bên A.



14. Bên B phải cung cấp đầy đủ pháp lý, Bảo hiểm lao động phù hợp cho công nhân tham gia thi công tại dự án như:
- _ Giấy khám sức khỏe.
 - _ Hợp đồng lao động.
 - _ Chứng chỉ ,chứng nhận ,thẻ ,danh sách học an toàn lao động.
 - _ Trang bị BHLĐ như giày mũi sắt , ủng mũi sắt ,nón,áo phản quang, dây đai an toàn toàn thân,...
15. Có trách nhiệm xúc tiến và hoàn tất đầy đủ các thủ tục có liên quan đến phạm vi thực hiện hợp đồng để nghiệm thu theo tiến độ của Hợp Đồng và thanh toán các lệ phí liên quan đến các thủ tục đó (nếu có).
16. Phối hợp với Ban chỉ huy công trình của bên A lập hồ sơ hoàn công theo đúng quy định sau khi nghiệm thu bàn giao công trình.
17. Chịu trách nhiệm thực hiện và tự đài thọ chi phí mua bảo hiểm như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này trong quá trình thi công.
18. Chịu trách nhiệm nộp đầy đủ thuế với nhà nước. Trong mọi trường hợp Bên B là người chịu trách nhiệm về chất lượng công trình của phần việc Bên B nhận thầu và thi công trừ khi các cơ quan chức năng xác định lỗi không phải của Bên B.
19. Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh; Bên B tuyệt đối không được cho phép nhân sự của mình lưu trú tại công trường (trừ thủ kho, phụ kho), và phải đăng kí với công an phường sở tại.
20. Phối hợp và tạo điều kiện cùng các Nhà thầu khác do bên A, Chủ đầu tư lựa chọn để thực hiện các hạng mục khác như: M&E, hệ thống gas, xử lý nước thải, PCCC, BMS để cùng thực hiện hoàn thành công trình theo tiến độ đề ra. Bên B phải đệ trình chi tiết các công tác cần phối hợp và các biện pháp để thực hiện, tiến độ thực hiện để Ban chỉ huy công trình của bên A phê duyệt.
21. Định kỳ báo cáo với bên A về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình
22. Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định.
23. Bên B có trách nhiệm làm các thủ tục khai báo có tính pháp lý, hành chính (trong phạm vi liên quan của Bên B) và tự chịu trách nhiệm với chính quyền địa phương nơi tiến hành thi công công trình.
24. Bên B tự chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự, an toàn lao động, thiết bị, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong phạm vi công trường thi công; Bên B phải lập và thông báo cho Bên A các phương án hoặc biện pháp bảo vệ, an toàn và vệ sinh môi trường và lực lượng tham gia thi công phải có đủ các tiêu chuẩn về độ tuổi, tay nghề, có hợp đồng lao động, chứng nhận khám sức khỏe đạt yêu cầu và được huấn luyện về an toàn lao động theo quy định trước khi tham gia thi công công trình theo Hợp đồng này.
25. Khi vận hành máy móc, thiết bị phải tuyệt đối tuân thủ qui trình thao tác vận hành và an toàn lao động. Hệ thống điện nhánh thi công ở hiện trường phải được thiết kế, bố trí tuyến dây hợp lý, và tuân thủ các qui định an toàn sử dụng điện. Bên B phải có nhân lực chuyên môn phụ trách hệ thống điện tại công trường.
26. Khi gặp các sự cố như chất lượng bê tông cung cấp không đảm bảo, hoặc tắc ống đổ, hoặc xuất hiện các biến dạng, chuyển vị công trình..., Nhà thầu phải kịp thời xử lý theo

đúng các biện pháp xử lý sự cố đã được chuẩn bị, đồng thời thông báo cho các bên liên quan để có hướng giải quyết hợp lý.

27. Bên B phải cam kết thanh toán đầy đủ cho toàn bộ lực lượng lao động của bên B trong trường hợp họ đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm và có đầy đủ quyền được thanh toán trong hợp đồng lao động. Bên B phải tuyệt đối tránh để bên A liên quan đến các tranh chấp pháp lý đối với các hợp đồng của người lao động của bên B.
28. Ngay lập tức bàn giao trả lại toàn bộ mặt bằng công trường, và dời toàn bộ máy móc thiết bị ra khỏi công trường, sau khi thi công hết thời hạn được quy định ở điều 3, hay khi Bên A chấm dứt hợp đồng một cách hợp lệ theo Điều 11 của Hợp đồng này.
29. Bên A và bên B chịu sự thanh tra của cơ quan chức năng về xây dựng cơ bản theo Luật định.
30. Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này.
31. Bên B phải thống nhất với Ban chỉ huy công trình kế hoạch tổng thể về vật tư từng giai đoạn. Phiếu yêu cầu vật tư phải gửi bên A trước 3 ngày. Phiếu nhu cầu vật tư phải có xác nhận của Ban chỉ huy công trường của bên A. Khối lượng vật tư Bên B yêu cầu cấp phải phù hợp với tiến độ thực hiện công trình.
32. Đối với vật tư do Bên A cấp, Bên B phải sử dụng đúng định mức do bên A đề ra, nếu Bên B sử dụng vượt định mức này thì Bên B tự chịu phần vật tư vượt. (Sắt $\phi < 10$: hao hụt 0,5%, sắt $\phi \geq 10$: hao hụt 2% so với khối lượng sắt mà bên B trình bên xem xét A trước khi thi công thực tế; kẽm buộc $< 13\text{kg/tấn}$; bê tông: hao hụt 0.5%). Trong trường hợp vượt định mức báo với Ban chỉ huy công trình của bên A để tìm ra nguyên nhân giải quyết. Nếu nguyên nhân lỗi do bên B thì bên B phải chịu đền bù phần thiệt hại vượt định mức.
33. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để cán bộ, công nhân của mình trong quá trình thi công tại công trường và chạm gây thiệt hại đến tài sản, vật tư của đơn vị khác.
34. Chịu toàn bộ chi phí nhân công lắp đặt lan can, biển báo toàn khu vực thi công.
Bên A giao cho Bên B giàn giáo và cốp pha trong điều kiện sử dụng tốt. Bên A chịu chi phí vận chuyển và thu hồi giàn giáo, cốp pha, việc bốc xếp giàn giáo, cốp pha lên xuống xe (khi bên A cấp và thu hồi): bên A chịu một lượt, bên B chịu một lượt. Bên B phải tập kết toàn bộ các loại vật tư do bên A cấp đúng nơi qui định kể cả lúc thi công và khi giao trả bên A.
35. Số cốp pha, giàn giáo, máy móc thiết bị thi công do Bên A cung cấp, trong quá trình sử dụng cũng như khi giao trả nếu có hư hỏng Bên B phải sửa chữa và làm lại trong điều kiện sử dụng tốt. Nếu làm mất Bên B phải bồi thường theo đơn giá do bên A đề xuất. Trước khi hoàn trả lại cho Bên A, Bên B phải vệ sinh sạch sẽ cốp pha, giàn giáo, máy móc thiết bị như hiện trạng ban đầu (lưu ý Bên B: cốp pha phải được thoa dầu trước khi đổ bê tông và không được dùng để trộn hồ, giàn giáo, cốp pha phải được sửa chữa thường xuyên tại công trường và không được ném từ trên cao xuống trong quá trình thi công. Đối với cốp pha bằng ván ép do bên A cấp: Bên B phải sử dụng đúng định mức của nhà cung cấp; nếu sử dụng ít hơn định mức này thì Bên B phải bồi thường cho bên A).
36. Kéo dây điện cũng như làm đường ống nước phục vụ ra các tầng.



37. Trong suốt quá trình thi công, bên B phải có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh mặt bằng trong từng giai đoạn khi đã hoàn tất phần công việc của mình và kịp thời bàn giao lại mặt bằng thi công được cho đơn vị khác đúng tiến độ.
38. Bên B phải hạn chế và phải báo cáo cho bên A biết trước khi cắt sắt hộp, thép ống do Bên A cấp.
39. Bên B có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cung cấp bê tông dọn dẹp vệ sinh tất cả bê tông thừa sau mỗi lần đổ bê tông.
40. Chịu toàn bộ chi phí tiền điện thi công các công việc do bên B thực hiện.
41. Phải lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn và được BCH công trường, GS bên A chấp thuận.
42. Tất cả các cấu kiện bê tông phải được nghiệm thu kích thước hình học trước khi thanh toán khối lượng.

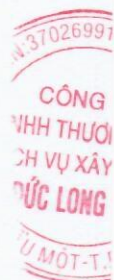
ĐIỀU 11: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

- 11.1 Trường hợp Bên B thi công không đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công, vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng thì tùy theo mức độ hai bên lập biên bản xác nhận. Nếu vi phạm nghiêm trọng thì bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, hủy bỏ Hợp đồng mà bên B không được thanh toán tiền cho phần khối lượng đã thực hiện.
- 11.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng thi công khi Bên B vi phạm một trong các điều sau:
- Đơn phương ngừng thi công trước khi hoàn tất mà không có lý do chính đáng.
 - Chậm 07 ngày so với tiến độ được duyệt, sau khi bên A khuyến cáo mà Bên B không có những tiến bộ rõ rệt.
 - Không thi công theo đúng thiết kế, vi phạm nghiêm trọng quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - Không tuân theo những yêu cầu của bên A về việc sửa chữa những hư hỏng, thay thế những chi tiết không đạt yêu cầu.
 - Cố ý vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong bản Hợp đồng này.
- 11.3 Khi bên A chấm dứt Hợp đồng thì sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B. Mọi thiệt hại và chi phí để giải quyết và khắc phục do việc vi phạm Hợp đồng gây ra cho công trình, bên A sẽ khấu trừ vào khối lượng thanh toán của Bên B.
- 11.4 Bên B có nhiệm vụ thực hiện tốt tất cả các quy định trong hợp đồng này (kể cả các phụ lục đính kèm). Nếu Bên A và các Bên liên quan khác phát hiện Bên B vi phạm và phạt tiền thì Bên B hoàn toàn chịu khoản phạt này và Bên A sẽ khấu trừ trực tiếp vào khối lượng thanh toán hàng tháng với Bên B hoặc trừ vào chi phí giữ lại để bảo hành.
- 11.5 Trong khi xử lý khi có tranh chấp do vi phạm không dẫn tới chấm dứt hợp đồng thì các bên không được ngưng thực hiện công việc. Bên vi phạm khoản này phải chịu toàn bộ hậu quả phát sinh.
- 11.6 Nếu bên B đơn phương ngừng thực hiện hợp đồng (Bỏ việc tại công trường) thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên A do thời gian thi công bị gián đoạn gây ra với mức 10.000.000 đồng/ngày. Mức phạt này được áp dụng cho đến khi hai bên thỏa thuận xong.

ĐIỀU 12 : CÁC QUI ĐỊNH CHUNG

12.1 Luật và ngôn ngữ:

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.



Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt.

12.2 Nhượng lại

Không bên nào được chuyển nhượng hợp đồng khi không có sự chấp thuận chính thức bằng văn bản của bên kia.

Điều 13: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 07 ngày ngay sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị thiệt hại không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 14: XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ PHÁT SINH

- 15.1 Trong trường hợp có phát sinh hạng mục công việc do có sự thay đổi thiết kế so với bản vẽ ban đầu thì Bên B sẽ lập Dự toán chi phí căn cứ vào thiết kế thay đổi do Bên A phê duyệt và đơn giá theo khoản 2.5 Điều 2 của hợp đồng này.
- 15.2 Khối lượng hạng mục phát sinh trong quá trình thi công chỉ được thanh toán trong trường hợp có thay đổi so với thiết kế ban đầu và được Bên A phê duyệt trước khi bên B thực hiện thi công khối lượng phát sinh đó. Khối lượng phát sinh do bên B thực hiện sẽ được bên A thanh toán khi quyết toán công trình.
- 15.3 Thời gian bên A xem xét và duyệt báo giá phát sinh là 07 ngày kể từ ngày Bên B đệ trình.
- 15.4 Trong trường hợp do yêu cầu của bên A, quy mô công trình cần mở rộng hoặc thu hẹp hơn so với thiết kế ban đầu thì hai bên tiến hành thương lượng mà không bị ràng buộc bởi bất cứ điều kiện tiên quyết nào để lập phụ lục hợp đồng cho các điều kiện của phần mở rộng hay thu hẹp đó.

Điều 15: CÁC CUỘC HỌP QUẢN LÝ

- 15.1 Bên A có thể yêu cầu các Bên tham dự vào các cuộc họp quản lý. Nội dung các cuộc họp quản lý phải là xem xét lại kế hoạch cho các công việc còn lại và giải quyết các vấn đề nảy sinh.
- 15.2 Bên A sẽ ghi biên bản nội dung các cuộc họp quản lý và các bên tham dự họp phải ký nhận đầy đủ
- 15.3 Bên A sẽ thông báo lịch họp định kỳ cho Bên B. Bên B không được vắng mặt hoặc cử nhân viên khác thay thế các cuộc họp định kỳ. Bất kỳ sự vắng mặt nào mà không thông báo trước lý do chính đáng cũng sẽ bị phạt theo mức dưới đây và trừ vào đợt thanh toán gần nhất như sau :

12-C.1
TY
IG MA
DUN
HAI
INH C

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc/Giám Đốc hoặc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc/phó Giám Đốc): 03 (ba) triệu đồng/1 lần vắng mặt.
 - Chỉ huy trưởng công trường: 02 (hai) triệu đồng/ 1 lần vắng mặt.
 - Cán bộ kỹ thuật cấp bộ phận chuyên trách: 01 (một) triệu đồng/ 1 lần vắng mặt.
- 15.4 Các cuộc họp đột xuất sẽ được bên A thông báo đến bên B trước 08 giờ thì được xem như là cuộc họp định kỳ.

Điều 16: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Trong trường hợp hai bên không thống nhất được đơn giá chi tiết hợp đồng trong vòng 45 ngày theo quy định tại điều 2.1, hợp đồng sẽ tự động chấm dứt. Khối lượng bên B đã thực hiện được thanh toán theo đơn giá tạm tính tại hợp đồng này.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp Đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hai Bên phải gặp nhau cùng bàn bạc thống nhất giải quyết, không bên nào tự sửa đổi các điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng. Bên nào vi phạm một trong những điều khoản ghi trong Hợp Đồng này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp có tranh chấp, Tòa án có thẩm quyền tại Bình Dương sẽ là nơi phân xử, Quyết định chung thẩm của Tòa là quyết định cuối cùng mà các Bên phải thi hành, Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí cho Tòa án.

Hợp Đồng này bao gồm các tài liệu đính kèm theo Hợp Đồng quy định tại khoản 1.2 Điều 1 và có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hạng mục công trình đã nghiệm thu và bàn giao, ngoại trừ trách nhiệm bảo hành hạng mục công trình của Bên B sẽ chấm dứt khi hết thời hạn bảo hành qui định trong hợp đồng này.

Hợp Đồng này được lập thành 06 bản, mỗi Bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A: 

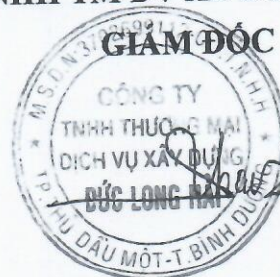
CTY CP XD - TV - ĐT BÌNH DƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Thị Tuyết Trinh

ĐẠI DIỆN BÊN B:

CTY TNHH TM DV XD ĐỨC LONG HẢI



VI ĐỨC HẢI

Phụ lục 1: Quy định mức phạt do vi phạm nội quy công trường

(Kèm theo Hợp đồng số..... ký ngày..... giữa Công ty CP XD – TV – ĐT Bình Dương và Công ty TNHH TM DV XD Đức Long Hải)

A	Lỗi vi phạm nhẹ	Tiền phạt (VNĐ)
1	Bảo Hộ Lao Động (BHLĐ)	
	1.1. Không mang hoặc mang không đúng cách các loại BHLĐ cá nhân như : mũ an toàn, giày bảo hộ (mũi sắt), kính bảo hộ, mặt nạ, khẩu trang, găng tay, mặt nạ phòng độc,...theo yêu cầu của công việc./	300.000
	1.2. Sử dụng thiết bị BHLĐ không đảm bảo chất lượng để làm việc.	300.000
	1.3. Sử dụng không đúng mục đích thiết bị BHLĐ.	300.000
2	Lỗi ra/vào, vệ sinh công trường	
	2.1. Đặt vật tư/thiết bị chắn ngay lối ra/vào, lối thoát hiểm, tủ điện bình chữa cháy.	1.000.000
	2.2. Đặt vật tư/thiết bị không đúng nơi quy định.	300.000
	2.3. Vứt rác bừa bãi.	500.000
	2.4. Nơi làm việc không gọn gàng, ngăn nắp. Không vệ sinh vào cuối ngày.	300.000
	2.5. Không phân loại rác thải	300.000
	2.6. Không đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan.	500.000
3	Thang/thang chữ	
	3.1. Sử dụng thang không an toàn, chưa được kiểm tra.	500.000
	3.2. Sử dụng thang không có chiều cao tối thiểu 1m so với điểm tiếp xúc cao nhất và không được cột vào điểm/ vật chắc chắn.	500.000
	3.3. Sử dụng thang khi chân thang được đặt trên vật không đứng vững	500.000
	3.4. Chân thang chưa được chặn để chống trượt.	500.000



	3.5. Sử dụng thang khi chân thang đặt trên bề mặt không an toàn	500.000
Ví phạm nghiêm trọng		
1	Làm việc trong không gian hạn chế, thiếu đường khí	
	1.1. Chưa được huấn luyện-cấp thẻ làm việc trong không gian hạn chế.	1.000.000
	1.2. Bố trí người không đủ sức khỏe làm việc trong không gian hạn chế.	1.000.000
	1.3. Chưa đo nồng độ khí, Oxy, lắp đặt quạt thông gió.	1.000.000
	1.4. Chưa có/ chưa đủ giấy phép làm việc trong không gian hạn chế.	1.000.000
	1.5. Không tuân thủ các biện pháp an toàn theo yêu cầu trong GPLV	1.000.000
	1.6. Không bố trí người giám sát trong thời gian làm việc.	1.000.000
	1.7. Làm việc trong môi trường thiếu ánh sáng và không có thiết bị thông gió.	1.000.000
2	Làm việc trên cao	
	2.1. Không mang/móc dây an toàn toàn thân vào điểm chắc chắn khi làm việc trên cao từ 2m trở lên.	1.000.000
	2.2. Không lắp dây cứu sinh đối với công việc có yêu cầu.	1.000.000
	2.3. Không có sàn thao tác để làm việc.	1.000.000
	2.4. Không lắp lan can, lưới an toàn để chống ngã cao.	1.000.000
	2.5. Lắp lan can không hoàn chỉnh, không cứng vững, chưa được kiểm tra.	1.000.000
3	Làm việc với giàn giáo không an toàn	
	3.1. Làm việc trên giàn giáo cao trên 2m chưa được kiểm tra và treo thẻ an toàn (<i>thẻ xanh</i>) cho phép thi công và thao tác trên giàn giáo đó.	1.500.00
	3.2. Không tuân thủ các quy định làm việc trên cao an toàn, không trang bị bảo hộ cá nhân (PPE) đúng quy định khi làm việc trên cao 2m tính từ mặt đất hoặc sàn thao tác mà dàn giáo đó được lắp dựng.	1.000.000
	3.3. Di chuyển dàn giáo khi đang có công nhân đang đứng/ ngồi/ thao tác trên dàn giáo đó.	2.000.000

2699
CƠ
H TH
H V
C 1
TUN

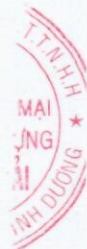
	3.4. Bánh xe dàn giáo không đảm bảo chất lượng, không đủ tải trọng hoặc không khóa hãm bánh xe khi đang làm việc trên dàn giáo di động.	1.000.000
4	Lưới an toàn	
	4.1. Không có lưới an toàn hứng vật rơi ứng với mỗi ba tầng của tòa nhà, hoặc thi công lắp dựng kết cấu thép, lợp mái.	2.000.000
	4.2. Lưới an toàn không chắc chắn để hứng vật rơi, hoặc không đảm bảo chất lượng, rách nát, bụi bẩn.	1.000.000
5	Công tác phát sinh nhiệt	
	5.1. thợ hàn không có chứng chỉ hàn, không đảm bảo sức khỏe khi làm việc.	500.000
	5.2. Không trang bị bình chữa cháy hoặc bình không sử dụng được tại khu vực thực hiện công tác phát sinh nhiệt.	500.000
	5.3. Hàn, cắt bằng bình khí nén, bình gas/acetylen nhưng không có lắp van chống cháy ngược và van điều áp hoặc chúng bị hư hỏng.	1.000.000
	5.4. Tồn trữ bình khí/gas dễ cháy trong tầng hầm hoặc trong không gian kín.	1.000.000
	5.5. Sử dụng dây dẫn gas bị rò rỉ hoặc hư hỏng.	2.000.000
	5.6. Bình gas/ khí đặt ở nơi không an toàn/ không đúng quy định hoặc không đặt với tư thế đứng, cột bằng dây xích trên xe đẩy chuyên dụng.	1.000.000
	5.7. Không sử dụng đầy đủ thiết bị BHLĐ phù hợp với công tác phát sinh nhiệt như: mặt nạ hàn, mặt nạ cắt, bao tay hàn, giày bảo hộ, nút bịt tai chôn ồn vv,... khi làm việc.	300.000
	5.8. Không bao che/ bao che không đạt tại khu vực làm việc bằng bạt chống cháy.	1.000.000
	5.9. Sử dụng thanh/ dụng cụ kim loại làm dây nối đất cho máy hàn. Sử dụng kiềm hàn/kẹp mát không đảm bảo chất lượng, không an toàn.	1.000.000
	5.10. Máy móc thiết bị chưa được kiểm tra, dán tem.	1.000.000
	5.11. Thợ hàn làm việc ngoài trời khi trời mưa hoặc đứng dưới mưa khi hàn.	1.500.000
6	Cầu, nâng hạ	

112-C

G TY
ƯNG
XÂY D
NG P

BT-T

	6.1. Sử dụng cầu, xe nâng chưa được kiểm định, kiểm tra. Hoặc sử dụng cầu hoặc xe nâng bị hỏng. Các thiết bị như cáp, mani, không đảm bảo an toàn, không đủ tải trọng.	2.000.000
	6.2. Cầu hoặc nâng vật khi chưa có giấy phép.	1.000.000
	6.3. Người vận hành cầu, xe nâng mà không có chứng chỉ vận hành cầu, xe nâng.	3.000.000
	6.4. Đứng trên hoặc dưới vật đang cầu. Không sử dụng dây điều khiển.	1.000.000
	6.5. Không lắp đặt dây cảnh báo, biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực lắp cầu.	2.000.000
	6.6. Vận hành cầu, thiết bị nâng không tuân thủ về quy định an toàn.	1.500.000
	6.7. Vi phạm khoảng cách an toàn khi nâng hạ trong khu vực có đường dây điện.	10.000.000
7	Làm việc trên mái nhà	
	7.1. Không tạo lối lên xuống an toàn cho công tác thi công trên mái.	1.500.000
	7.2. Không căng dây, lắp đặt biển báo cách mép mái 1500mm khi chưa có lan can cứng bảo vệ.	1.000.000
	7.3. Không lắp đặt dây cứu sinh khi chưa có lan can cứng bảo vệ.	2.000.000
	7.4. Không lắp đặt lan can cứng, lưới chống rơi kịp thời theo yêu cầu của TVGS.	1.500.000
	7.5. Bố trí người làm việc trên mái không phù hợp theo quy định (người chưa được huấn luyện và sát hạch cho công tác làm việc trên mái) hoặc thi công không có giấy phép khi làm việc trên mái.	5.000.000
	7.6. Thi công trên mái vào ban đêm hoặc khi trời mưa, gió lớn.	500.000
	7.7. Không trang bị, lắp đặt thang thi công cho mái dốc $\geq 25^\circ$.	1.000.000
8	Thiết bị, máy móc, dụng cụ điện	



	8.1. Nhân viên vận hành sẽ luôn mang theo chứng chỉ phù hợp để vận hành thiết bị theo như yêu cầu.	1.000.000
	8.2. Sử dụng máy cắt cầm tay không có chụp bảo vệ đĩa cắt, tay cầm.	1.000.000
	8.3. Sử dụng dụng cụ cầm tay chưa được kiểm tra và dán tem bởi TVGS.	1.000.000
	8.4. Để dụng cụ đang cắm điện hoặc vận hành thiết bị/ công cụ điện mà không có người trông coi.	2.000.000
	8.5. Không kẹp chặt vật cần gia công khi gia công vật liệu như thép, cốt pha, gạch....	1.000.000
	8.6. Không ngắt điện dụng cụ, máy móc và thiết bị sau khi làm việc.	1.000.000
	8.7. Làm việc với dụng cụ hư hỏng, không đảm bảo an toàn khi vận hành.	500.000
	8.8. Không tắt công tắc thiết bị/ máy móc khi sửa chữa hoặc bảo trì.	500.000
	8.9. Vận hành thiết bị, máy móc với tốc độ không an toàn.	500.000
	8.10. Tự ý sửa chữa, đấu nối thiết bị điện, nhưng chưa được huấn luyện cho công tác có liên quan đến điện.	1.000.000
	8.11. Sử dụng không đúng chức năng máy móc, thiết bị.	500.000
	8.12. Sử dụng thiết bị không an toàn.	500.000
	8.13. Sử dụng dây điện không đảm bảo, có mối nối không an toàn.	500.000
	8.14. Cắm trực tiếp dây điện vào ổ cắm mà không có phích cắm.	500.000
	8.15. Dây điện không treo cao 2m nơi có người qua lại, 5m nơi có xe cộ qua lại.	500.000
	8.16. Cắm/ nối hai hay nhiều dụng cụ điện vào cùng một ổ cắm.	500.000
	8.17. Sử dụng tủ điện không đúng tiêu chuẩn của dự án.	500.000
9	Đào đất	

	9.1. Không có biện pháp thoát nước khi thi công bên dưới hố đào.	300.000
	9.2. Không có lan can cho hố đào, dây cảnh báo, biển báo khi đang thi công đào đất hoặc thi công bên dưới hố đào.	500.000
	9.3. Không có thang lên xuống hố đào an toàn, hoặc hệ thống bậc thang dàn giáo lên xuống đối với các hố đào có độ sâu >2,5m.	500.000
	9.4. Không tuân thủ yêu cầu chống sạt lở cho hố đào sâu hơn 1m theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro.	300.000
	9.5. Không kiểm tra, khảo sát các công trình ngầm.	1.000.000
	9.6. Không thực hiện đúng các biện pháp thi công và bảng đánh giá rủi ro.	500.000
10	Hệ thống giấy phép công tác	
	10.1. Thực hiện công việc khi chưa có giấy phép làm việc theo yêu cầu như: Giấy phép công tác phát sinh nhiệt, giấy phép làm việc trong không gian kín, giấy phép đào đất, giấy phép làm việc trên cao, và các loại giấy phép theo quy định của dự án.	1.000.000
	10.2. Không tuân thủ các quy định an toàn trong giấy phép làm việc.	500.000
11	An ninh công trường	
	11.1. Không đeo thẻ khi vào cổng công trường hoặc khi đang làm việc trên công trường.	300.000
	11.2. Từ chối không xuất trình thẻ khi được yêu cầu.	400.000
	11.3. Ra vào công trường không đúng cổng quy định.	300.000
	11.4. Không xuất trình giấy phép xuất vật tư / thiết bị tại cổng bảo vệ khi ra khỏi công trình.	500.000
12	Chụp phóng xạ	
	12.1. Không có giấy thông báo chụp phóng xạ tại khu vực chụp.	2.000.000
	12.2. Công nhân chụp phóng xạ không mang đầy đủ thiết bị bảo hộ khi chụp phóng xạ.	2.000.000
13	Các quy định khác	



13.1. Đốt lửa trong công trường không đúng nơi quy định.	500.000
13.2. Làm việc trong công trường nhưng chưa được huấn luyện an toàn lao động.	500.000
13.3. Ngủ trên công trường (không đúng nơi quy định).	200.000
13.4. Mang rượu bia vào trong công trường.	500.000
13.5. Có mùi rượu bia hoặc các chất kích thích khi đang làm việc trong công trường.	300.000
13.6. Đi vệ sinh không đúng nơi quy định.	300.000
13.7. Đánh nhau trong công trường.	500.000
13.8. Ném vật tư, thiết bị từ trên cao xuống.	1.000.000
13.9. Cờ bạc, cãi vã, đùa giỡn trong công trình.	500.000
13.10. Hút thuốc không đúng nơi quy định.	200.000
13.11. Làm việc trong điều kiện không an toàn và không tuân thủ các biển báo an toàn.	1.000.000
13.12. Không tham gia toolbox meeting.	200.000
13.13. Tồn trữ hóa chất / vật tư không đúng nơi quy định.	1.000.000
14. Vi phạm các vấn đề nghiêm trọng khác trong công tác an toàn và vệ sinh lao động, tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt theo mức 500.000 đến 1.000.000	

Quy định thi hành:

Mục đích của quy định này là **ngăn ngừa các hành vi vi phạm** và là căn cứ để xử lý các vi phạm. Nội quy này được chủ đầu tư, tư vấn, các nhà thầu thông qua. Bên B có trách nhiệm phổ biến cho tất cả cán bộ công nhân viên của mình biết quy định này.

Bằng chứng vi phạm: hình chụp, quay phim, dấu vết, chứng cứ để lại hiện trường. Biên bản vi phạm sẽ có sự chứng kiến của đại diện bên B, đại diện bên A, đại diện tư vấn giám sát hoặc đại diện chủ đầu tư.

Một hành vi vi phạm có thể bị phạt độc lập tham chiếu theo tất cả các vi phạm đi kèm. Ví dụ: uống rượu rồi đánh nhau, hành vi vi phạm là (1) hành vi uống rượu, (2) hành vi đánh nhau.

Trong mọi trường hợp, đơn vị chủ quản của người vi phạm là người chịu trách nhiệm nộp phạt và khắc phục hậu quả. Nếu không nộp phạt, bên A sẽ khấu trừ giá trị hợp đồng khi thanh toán trong kỳ gần nhất. Thời gian nộp phạt: trong vòng 48 giờ sau khi nhận.

026991
CÔNG
H THỰC
H VỤ XÃ
ĐỨC LON
AU MỘT

Ngoài việc phạt và bắt buộc khắc phục hậu quả, tùy theo từng trường hợp có thể chuyển vụ việc vi phạm cho chính quyền xử lý theo pháp luật (A.5, A.7).

Các hành vi vi phạm chưa định rõ trong quy định này mà có thể quy chiếu thuộc mục A, B, C, D thì giao cho tư vấn quyết định mức phạt.

Thông qua và thi hành: tất cả các đơn vị thực hiện dự án phải chấp hành quy định này tính từ ngày bắt đầu thực hiện hợp đồng.

Ngoài các qui định trên, Nhà thầu phải tuân thủ mọi qui định tại địa phương sở tại và các địa phương liên quan khi thực hiện gói thầu.

2-
T
N
Y
31
T

CÔNG TY TNHH TM DV XD ĐỨC LONG HẢI

Địa chỉ: số 12 đường 15, Kp7, P. Hiệp Thành, TDM, BD

ĐT: 0933.66.28.55 Email: viduchai123@gmail.com

MST: 3702699112

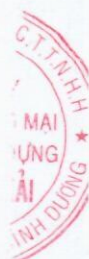
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KHỐI LƯỢNG

(Kèm theo hợp đồng số /HDXD/)
CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ UYÊN HÙNG
ĐỊA ĐIỂM: KDC UYÊN HÙNG - TX. TÂN UYÊN - BÌNH DƯƠNG
HẠNG MỤC: PHẦN THÂN BTCT

STT	CÔNG TÁC/DIỄN GIẢI	DVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	CÔNG TÁC SXLD VÀ THÁO DỠ COFA	100m2	335.426	13,500,000	4,528,247,139.00
1	Ván khuôn cột tầng 1		23.430		
2	Ván khuôn vách tầng 1		6.501		
3	Ván khuôn cầu thang tầng 1		3.704		
4	Ván khuôn dầm sàn tầng lửng		2.394		
5	Ván khuôn dầm sàn tầng 2		49.727		
6	Ván khuôn cột tầng 2		13.784		
7	Ván khuôn vách tầng 2		4.291		
8	Ván khuôn cầu thang tầng 2		2.802		
9	Ván khuôn dầm sàn tầng 3		49.807		
10	Ván khuôn cột tầng 3		13.754		
11	Ván khuôn vách tầng 3		4.291		
12	Ván khuôn cầu thang tầng 3		2.802		
13	Ván khuôn dầm sàn tầng 4		49.583		
14	Ván khuôn cột tầng 4		12.237		
15	Ván khuôn vách tầng 4		4.188		
16	Ván khuôn cầu thang tầng 4		2.802		
17	Ván khuôn dầm sàn tầng 5		28.617		
18	Ván khuôn cột tầng 5		12.354		
19	Ván khuôn vách tầng 5		4.366		
20	Ván khuôn cầu thang tầng 5		0.920		
21	Ván khuôn dầm sàn tầng kỹ thuật		39.067		
22	Ván khuôn cột tầng kỹ thuật		1.660		
23	Ván khuôn vách tầng kỹ thuật		0.487		
24	Ván khuôn cầu thang tầng kỹ thuật		0.000		
25	Ván khuôn dầm sàn tầng mái		1.860		
II	CÔNG TÁC ĐÓ BÊ TÔNG	m3	6446.298	180,000	1,160,333,699.04
1	Bê tông cột tầng 1		316.580		
2	Bê tông vách tầng 1		79.319		
3	Bê tông cầu thang tầng 1		52.772		
4	Bê tông dầm sàn tầng lửng		40.418		
5	Bê tông dầm sàn tầng 2		1190.046		
6	Bê tông cột tầng 2		172.224		
7	Bê tông vách tầng 2		52.352		
8	Bê tông cầu thang tầng 2		39.468		
9	Bê tông dầm sàn tầng 3		1192.045		



STT	CÔNG TÁC/ĐIỂN GIẢI	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
10	Bê tông cột tầng 3		196.939		
11	Bê tông vách tầng 3		52.352		
12	Bê tông cầu thang tầng 3		39.468		
13	Bê tông dầm sàn tầng 4		1230.878		
14	Bê tông cột tầng 4		135.487		
15	Bê tông vách tầng 4		52.352		
16	Bê tông cầu thang tầng 4		39.468		
17	Bê tông dầm sàn tầng 5		578.937		
18	Bê tông cột tầng 5		135.663		
19	Bê tông vách tầng 5		53.271		
20	Bê tông cầu thang tầng 5		12.971		
21	Bê tông dầm sàn tầng kỹ thuật		727.758		
22	Bê tông cột tầng kỹ thuật		17.052		
23	Bê tông vách tầng kỹ thuật		10.554		
24	Bê tông cầu thang tầng kỹ thuật		0.000		
25	Bê tông dầm sàn tầng mái		27.903		
III	CÔNG TÁC TẠO MẠCH NGỪNG + XOA NỀN				152,808,303.20
1	Tạo mạch ngừng	m	343.200	30,000	10,296,000
	Tầng 2		85.800		
	Tầng 3		85.800		
	Tầng 4		85.800		
	Tầng 5		42.9		-
	Tầng kỹ thuật		42.9		-
	Tầng mái		0		
2	Xoa nền chống nứt	m2	17814.038	8,000	142,512,303
	Tầng 2		4212.386		
	Tầng 3		4212.386		
	Tầng 4		4212.386		
	Tầng 5		2494.820		
	Tầng kỹ thuật		2560.307		
	Tầng mái		121.752		
IV	CÔNG TÁC CỐT THÉP	tấn	807.570	2,700,000	2,180,438,596.81
1	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng 1		52.843		
2	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng 2		5.080		
3	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng 2		127.120		
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng 2		30.259		
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng 3		119.441		
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng 3		27.177		
7	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng 4		123.942		
8	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng 4		20.760		
9	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng 5		63.493		
10	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng 5		17.989		
11	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng kỹ thuật		102.110		
12	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cột tầng kỹ thuật		2.424		
13	Sản xuất, lắp dựng cốt thép dầm sàn tầng mái		4.0		
14	Sản xuất, lắp dựng cốt thép vách tầng 1- mái		56.900		
15	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cầu thang tầng kỹ thuật		23.166		
16	Sản xuất, lắp dựng cốt thép lam trang trí		30.830		
V	CÔNG TÁC GIÀN GIÁO BAO CHE				553,306,368.00
1	Thi công lắp dựng lưới bao che cho công trình	m2	7,350.480	3,600	26,461,728

STT	CÔNG TÁC/DIỄN GIẢI	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
2	Thi công lắp dựng giàn giáo ngoài cho công trình	m2	7,350.480	18,000	132,308,640
3	Thi công lắp dựng dầm I sàn thao tác đỡ giàn giáo bao che	m2	597.600	135,000	80,676,000
4	Thi công lắp đặt lưới chắn vật rơi cho công trình	m2	1,793.800	18,000	32,279,400
5	Tháo dỡ giàn giáo ngoài cho công trình	m2	7,350.480	15,000	110,257,200
7	Tháo dỡ dầm I sàn thao tác đỡ giàn giáo bao che	m2	597.600	80,000	47,808,000
8	Tháo dỡ lưới chắn vật rơi cho công trình	m2	2,988	15,000	44,820,000
9	Thi công lắp đặt, tháo dỡ sàn thao tác	m2	300	100,000	30,000,000
10	Vận chuyển giáo, lưới chắn vật rơi, sàn thao tác xuống bằng vận thăng	m2	9,741	5,000	48,704,400
VI	CÔNG NHẬT LÀM CHO BCH				308,300,000.00
1	Lên xe dụng cụ thi công tại công trình và xuống xe dụng cụ thi công tại nơi tập kết (xe 3.5 tấn)	xe	50.000	300,000	15,000,000.000
2	Công nhật làm cho ban chỉ huy	công	100.000	300,000	30,000,000.000
3	Chi phí An toàn lao động				263,300,000
	TỔNG CỘNG				8,883,434,106
	THUẾ VAT 10%				888,343,411
	TỔNG THÀNH TIỀN				9,771,777,517











